

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ DƯƠNG THÀNH CÔNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ DƯƠNG THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUONG THANH CONG INVESTMENT AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107855551

3. Ngày thành lập: 22/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

A20, số 90, phố Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
2.	Trồng lúa	0111
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
5.	Trồng cây mía	0114
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
8.	Trồng cây hàng năm khác	0119
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
11.	Trồng cây điều	0123
12.	Trồng cây hồ tiêu	0124
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây chè	0127
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
16.	Trồng cây lâu năm khác	0129
17.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
18.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
19.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
20.	Chăn nuôi lợn	0145
21.	Chăn nuôi gia cầm	0146
22.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
26.	Khai thác gỗ	0221
27.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
28.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
29.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
32.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Khai thác dầu thô	0610
35.	Khai thác quặng sắt	0710
36.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
37.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
45.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
46.	Sản xuất rượu vang	1102
47.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
48.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
49.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
50.	In ấn	1811
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
56.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
62.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
63.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
64.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
65.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
66.	Thu gom rác thải độc hại	3812
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
68.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
69.	Tái chế phế liệu	3830
70.	Xây dựng nhà các loại	4100
71.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
73.	Phá dỡ	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
77.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
78.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
79.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
80.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
81.	Bán buôn gạo	4631
82.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
83.	Bán buôn đồ uống	4633
84.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
85.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
87.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

88.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
89.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
91.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
92.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
93.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
94.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
95.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
96.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
97.	Quảng cáo	7310
98.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
99.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
102.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
103.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản;	6820
104.	Điều hành tua du lịch	7912
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Giáo dục nghề nghiệp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8532

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG HỒNG SƠN	Số 90, phố Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	499.800	4.998.000.000	51,000	B2902982	
			Tổng số	499.800	4.998.000.000	51,000		
2	NGÔ DUY ĐÔNG	Xóm 8, thôn Thanh Trai, Xã Minh Lăng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	284.200	2.842.000.000	29,000	034083004156	
			Tổng số	284.200	2.842.000.000	29,000		
3	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Khu 5 Đại Phúc, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	196.000	1.960.000.000	20,000	125236028	
			Tổng số	196.000	1.960.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ DUY ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034083004156

Ngày cấp: 01/02/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, thôn Thanh Trai, Xã Minh Lãng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 8, thôn Thanh Trai, Xã Minh Lãng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội